PHỤ LỤC 01 - THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI

(đính kèm Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 5820 -Dry -D&F-2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022)

APPENDIX 01 - TRADING TERM AGREEMENT

(attached to Contract for sales of goods No 5820 - DRY-D&F-2022 dated 01 Jan, 2022)

Ngày hiệu lực/Effective date: 01/01/2022 - 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM/ *LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY ("LOTTE MART")*

Chuyên viên thu mua/ *Merchandiser:* ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO — Mã số MD/ *MD Code:* 144005499

Tên Nhà Cung Cấp/ *Supplier's Name :* CONG TY TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Mã số NCC/ *Main Supplier Code :* 5820 — Mã Ngành hàng chính/ Main Category Code: 51-DAIRY FROZEN — Loại kinh doanh / Trade type: Nhập trực tiếp/Direct

Ngành hàng cùng áp dụng đồng thời:

Mã Nhà cung cấp cùng áp dụng đồng thời:

1. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN/ *PAYMENT CONDITION*

1.1 THỜI HẠN THANH TOÁN/ *PAYMENT PERIOD*

Chu kì thanh toán/*Payment circle*	Thời hạn thanh toán/ *Payment term*	Ngày nhận hóa đơn hợp lệ/ *Date of receiving appropriate invoice*	Ngày thanh toán/*Payment date(*)*
☐ Chu kì A/Circle A (30 ngày/30 days)	------- ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày **1** đến ngày 30 hoặc **31** / *Receiving invoices from 1st to 30th or 31th*	
☑ Chu kì B/Circle B (15 ngày/15 days)	29 ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày **1** đến ngày **15** / *Receiving invoices from 1st to 15th*	20th
		Nhận hóa đơn từ ngày **16** đến ngày 30 hoặc **31** / *Receiving invoices from 16th to 30th or 31th*	30th
☐ Chu kì C/Circle C (10 ngày/10 days)	------- ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày **1** đến ngày **10** / *Receiving invoices from 1st to 10th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày **11** đến ngày **20** / *Receiving invoices from 11th to 20th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày **21** đến ngày 30 hoặc **31** / *Receiving invoices from 21st to 30th or 31th*	

(*) Ngày thanh toán cố định của LOTTE MART là các ngày 10, 20 hoặc ngày cuối tháng. Nếu ngày thanh toán rơi vào **ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, Tết** thì sẽ thanh toán vào **ngày làm việc tiếp theo**./
LOTTE MART's fixed payment dates are 10th, 20th or last day of month. If fixed payment date is on Saturday, Sunday, Holidays, Tet, the payment will be made in next working date.

1.2 THỜI HẠN THANH TOÁN CHO CHI NHÁNH MỚI/ *PAYMENT PERIOD FOR NEW STORE*

45 ngày kể từ ngày khai trương chính thức/ Days since the opening date of the new store

2. ĐIỀU KIỆN ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG - TRẢ HÀNG / ORDER - DELIVERY - RETURN CONDITION

2.1 ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU & THỜI GIAN GIAO HÀNG / MINIMUN ORDER & LEAD TIME

Giá trị đặt hàng cho mỗi đơn hàng giao tại cửa hàng hoặc kho Logistic không thấp hơn MOQ cam kết tại từng cửa hàng (khu vực) / Order value for each order delivered at the store or Logistic warehouse is not less than MOQ by store (region)

Số ngày giao hàng / Lead Time là thời gian NCC cam kết giao hàng sau khi đã nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của bên mua, không tính ngày lễ và Chủ nhật / period when suppliers undertakes to deliver ordered products from the order confirmation date of Purchasor (excluding holidays and Sunday))

Giá trị này là một trong những căn cứ xác lập lý do nếu NCC không thực hiện việc giao hàng / This value is one of the grounds for determining the reason whether the NCC does not make the delivery

KHU VỰC	Hồ Chí Minh / HCMC				Miền Nam / Southern				Miền Trung / Central				Miền Bắc / Northern			Warehouse
Cửa hàng	Nam SG	Phú Thọ	Tân Bình	Gò Vấp	Đồng Nai	Bình Dương	Vũng Tàu	Cần Thơ	Phan Thiết	Đà Nẵng	Nha Trang	Gold Coast	Ba Đình	Cầu Giấy	Vinh	Lotte Logistic Center (LLC)
Số ngày/Lead Time (days)	3	3	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
MOQ (/order)																

Trong trường hợp LOTTE MART mở thêm cửa hàng mới, Lead Time giao hàng của cửa hàng mới sẽ được áp dụng theo Lead Time của cửa hàng gần nhất / In case LOTTE MART opens a new store, the Lead Time for delivery of the new store will be applied according to the Lead Time of the nearest store

2.2 THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA SẢN PHẨM/ *EXPIRATION DATE OF PRODUCT*

Thời hạn sử dụng còn lại của sản phẩm ít nhất phải bằng 2/3 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của sản phẩm tính từ ngày hàng hóa được sản xuất cho đến ngày hết hạn sử dụng/ngày hạn sử dụng tốt nhất của hàng hóa.

The remaining shelf life of the product is equal to 2/3 of its total life at least, counting from the manufacturing date of the product to the last date for best use.

2.3 THỎA THUẬN TRẢ HÀNG/ *GOODS RETURN*

☑ Có thể trả hàng / Returnable

- ☑ Đổi trả hàng bất cứ thời gian nào kể từ ngày nhận hàng/ Can change or return at anytime from delivery date
- ☑ Hàng hóa bán chậm, kéo dài từ 02 tháng trở lên/ Goods is slow moving from 02 months consecutively or above.
- ☑ Hàng hư hỏng, hàng bị khách hàng trả lại do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi của Nhà Cung Cấp/ Damaged goods or goods returned by customers due to technical errors or errors made by supplier.
- ☑ Hàng cận date báo trước 03 ngày/ Nearly expired goods notifying before 03 days
- ☑ Thông tin trên hàng hóa bị mờ hoặc không rõ ràng, có thể dẫn đến việc hiểu nhầm cho Khách hàng/ Information on the label is blear or unclear which misleads customers.
- ☑ Hàng hóa chưa tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan hoặc Hàng hóa có thể ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục/ Goods which do not comply with relevant regulations or cause bad impacts towards environment, public health, habits and customs.

Hỗ trợ thanh lý hàng tồn kho / Clearance support _____ (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT

3. ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI/ TRADING TERM

3.1 CHIẾT KHẤU TRỰC TIẾP TRÊN HÓA ĐƠN/ *DIRECT DISCOUNT ON-INVOICE*

	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
------- (%) Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn/ (%) Direct discount on-invoice	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/ Services (if any)*	Không xuất Hóa đơn/ *No invoice*	

3.2 TỶ LỆ PHÂN CHIA VÀ DOANH THU TỐI THIỂU/ TURNOVER SHARE RATE & MIN SALE

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
------- (%) Tổng doanh thu bán hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total sale turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER (trên doanh thu thực tế / actual sale turnover)	Doanh thu tối thiểu/ Min Sale Cửa hàng áp dụng / *Application store*
	☐ Quý / Quarter		LOTTEMART (chênh lệch doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu / gap between actual and min sale)	

Nếu doanh thu bán hàng không đạt được doanh thu tối thiểu trong từng kỳ như trên, thì Lotte Mart sẽ khấu trừ thêm phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu theo tỷ lệ phân chia

In case the revenue is under Min Sale commitment above, Lotte Mart would apply the difference between actual revenue and minium revenue according to the revenue ratio

3.3 CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL DISCOUNT

3.3.1 CHIẾT KHẤU CƠ BẢN/ BASIC DISCOUNT

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.5 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/*	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	

3.3.2 CHIẾT KHẤU THƯỞNG / REBATE VOLUME

					Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Bậc 1 / Level 1	400.000.000	VND	1	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT *(%) Total purchase turnover, exclusive of VAT*	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter ☑ Năm / Year	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	
Bậc 2 / Level 2	500.000.000	VND	1.5					
Bậc 3 / Level 3	600.000.000	VND	2					

3.4 PHÍ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG/ ADMINISTRATION FEE

3.4.1 PHÍ MỞ MÃ NHÀ CUNG CẤP MỚI/ NEW SUPPLIER CODE REGISTRATION FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
20.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*	8%	LOTTEMART	

3.4.2 PHÍ MỞ MÃ HÀNG MỚI/ LISTING FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
------- (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	
8.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*			

3.5 PHÍ HỖ TRỢ VẬN HÀNH/ OPERATION SUPPORT FEE

3.5.1 PHÍ HỖ TRỢ SINH NHẬT / LOTTE MART ANNIVERSARY SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tính đến thời điểm sinh nhật hoặc đến hết ngày 30/11 lớn hơn **100%** khoản chi phí hỗ trợ sinh nhật *When total purchase turnover at store, upto anniversary month or end of year, is higher 100% than anniversary support fee*
1.500.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Khi phát sinh/ When:			

3.5.2 PHÍ HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG / LOTTE MART OPENING SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tại thời điểm khai trương. *When total purchase turnover at storeat the time grand opening.*
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.5.3 HỖ TRỢ KHÁC KHÔNG KÈM ĐIỀU KIỆN / OTHER SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG - MARKETING/ SALE-MARKETING SERVICE FEE

3.6.1 PHÍ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO/ MARKETING SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
1.5	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	Trong đó: - Phí sampling: 1.5%
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động quảng cáo / *Actual cost; appendix, agreement of marketing activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.2 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG/ SALE SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.0	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động bán hàng / *Actual cost; appendix, agreement of selling activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.3 PHÍ DỊCH VỤ KHÁC/ OTHER SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
———	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động khác / *Actual cost; appendix, agreement of other activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

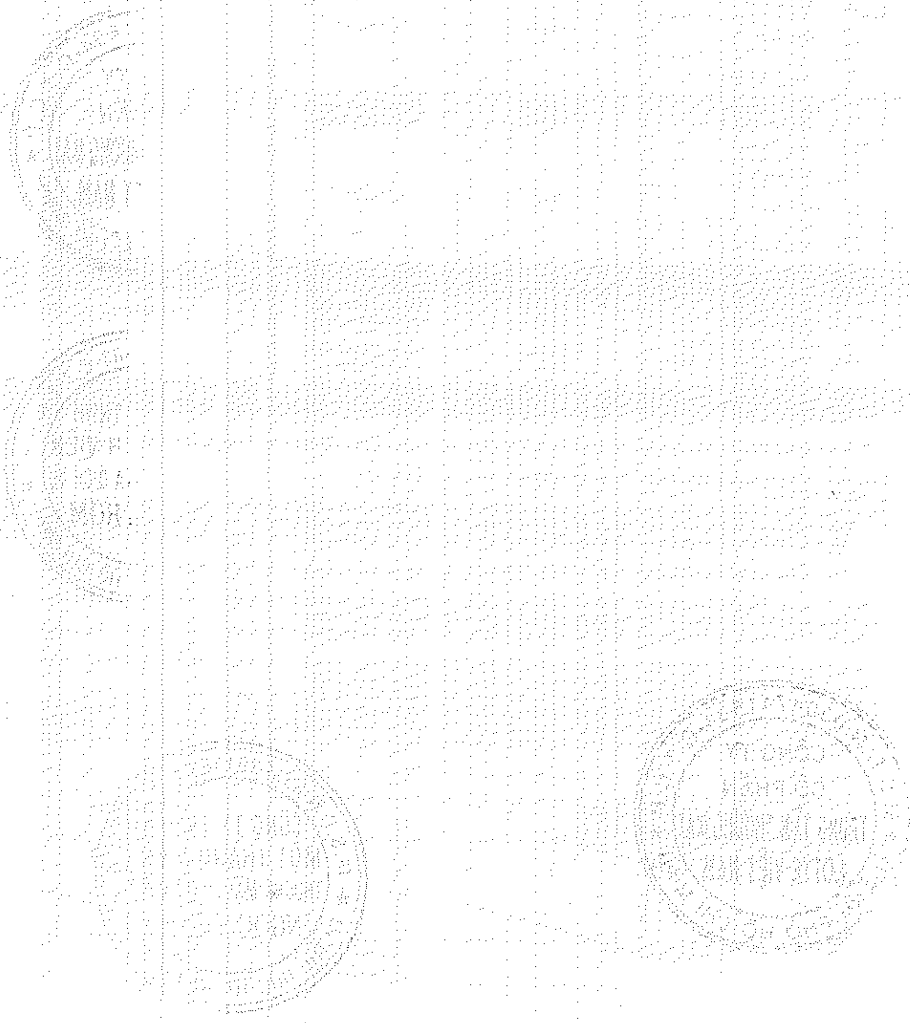
4. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI/ LIABILITY FOR COMPENSATION

4.1 BỒI THƯỜNG GIAO HÀNG THIẾU-TRỄ HẠN / UNDER-DELIVERY COMPENSATION	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of Invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Giao thiếu/ giao trễ : **8%** trên giá trị hàng giao thiếu/ giao trễ (chưa VAT)- Shortage delivery or late delivery will be compensated an amount of 8% on the shortage/ late delivery amount (exclude VAT)	☑ Khi phát sinh biên bản bồi thường / When compesation agreement issued	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	

5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ *GENERAL CONDITIONS*

- Trong trường hợp phát sinh chênh lệch các khoản chiết khấu của Chu kỳ thanh toán trước thì các Bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại phần chênh lệch này theo thuế suất tương ứng (nếu có)/ Adjustment of the gap-collection of commission in previous periods with the same tax rate of deduct code (if any)
- Giảm giá các sản phẩm khi được chọn làm hàng khuyến mãi theo thỏa thuận của các bên/ Price reduction on appointed products for promotion purposes under mutual agreement.
- Tham gia đầy đủ các kỳ Cẩm nang mua sắm khi được yêu cầu/ Fullyjoin the shopping handbook if required
- Những khoản chiết khấu, hỗ trợ, phí,... quy định tại TTTM này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ với các khoản thanh toán của Lotte Mart. Trong trường hợp cấn trừ công nợ mà không còn công nợ để cấn trừ thì những khoản này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NCC nhận được thông báo chiết khấu. / *The above mentioned discount, supports, fees, etc would be settled by transfering or offsetting against the payables of Lotte Mart. In case that no payable amout available for offsetting, those amounts must be transferred by Supplier. The transfering payment must be done within 10 working-day once receiving Commission letter*
- Thỏa Thuận Thương Mại này ("TTTM") là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cung Cấp Hàng Hóa số 5820 -DRY-D&F-2022 ngày 01/01/2022 ("HĐCC") / This Trading Term Agreement ("TTA") is an integal part of the Purchase Contract No. 5820 -DRY-D&F-2022 date 01/01/2022 ("PC").
- Trong trường hợp các nội dung trong TTTM này trái và/hoặc chưa được quy định trong HĐCC thì các bên thống nhất áp dụng theo TTTM này; mọi thay đổi, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện sẽ được làm thành phụ lục / In case of the contents in this Agreement is contrary and/or has not been provided in PC, the Parties agree to apply the contents mentioned in this Agreement; every changes arising during the excecution will be put in Annex.
- Ngôn ngữ được sử dụng trong TTTM này là song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu hoặc dịch thuật, tiếng Việt được ưu tiên áp dụng / *Languages used in this Agreement are English and Vietnamese. In case of any difference in interpretation or translation, Vietnamese version shall prevail.*
- Nếu có bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong TTTM này không hợp lệ hoặc không thể thực thi ở bất kỳ mức độ nào hoặc không lựa chọn hoặc thông tin chi tiết tại từng mục trong TTTM này thì thì nội dung của Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng .
If any term or condition of this Trading terms Agreement shall be invalid or unenforceable to any extent or unoptional or not specified in above terms, the contents of the Contract shall prevail.
- TTTM này được lập thành hai (02) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện / *This Agreement shall be made in two (02) original copies with equal legal validity. Each Party keeps one (01) copy to implement.*
- Trong trường hợp TTTM đã hết hạn và chưa thể ký TTTM mới thì các bên thống nhất TTTM này được tự động gia hạn đến hết 30/06 của năm kế tiếp. Sau khi hai bên thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới, thì hiệu lực của TTTM mới này được xác định tính từ 01/01 của năm kế tiếp hoặc trong trường hợp hai bên không thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới hoặc kỳ gia hạn Hợp đồng thì các điều kiện, điều khoản của TTTM này sẽ có hiệu lực đến thời điểm chấm dứt và/hoặc kỳ thanh lý Hợp đồng / *In case the TTA has expired and has not been renewed, the Parties agree that this TTA is automatically extended until the end of 30/06 the year after. After two Parties conclude a new TTA , the new TTA would be effective from 01/01 the year after*

NHÂN VIÊN THU MUA Merchandiser	GIÁM ĐỐC THU MUA Merchandising Director	NHÀ CUNG CẤP Supplier
Tên/Name: ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO	Tên/Name: NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN	Tên/Name: TRẦN THỊ THƠM
Ngày/Date:	Ngày/Date:	Ngày/Date:



PHỤ LỤC 01 - THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI
(đính kèm Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 5820 -Dry -D&F-2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022)
APPENDIX 01 - TRADING TERM AGREEMENT
(attached to Contract for sales of goods No 5820 - DRY-D&F-2022 dated 01 Jan, 2022)
Ngày hiệu lực/Effective date: 01/01/2022 - 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM/ *LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY ("LOTTE MART")*

Chuyên viên thu mua/ *Merchandiser:* ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO — Mã số MD/ *MD Code:* 144005499
Tên Nhà Cung Cấp/ *Supplier's Name:* CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM
Mã số NCC/ *Main Supplier Code:* 5820 — Mã Ngành hàng chính/ Main Category Code: 51-DAIRY FROZEN — Loại kinh doanh / Trade type: Nhập trực tiếp/Direct
Ngành hàng cùng áp dụng đồng thời:
Mã Nhà cung cấp cùng áp dụng đồng thời:

1. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN/ *PAYMENT CONDITION*

1.1 THỜI HẠN THANH TOÁN/ *PAYMENT PERIOD*

Chu kì thanh toán/*Payment circle*	Thời hạn thanh toán/ *Payment term*	Ngày nhận hóa đơn hợp lệ/ *Date of receiving appropriate invoice*	Ngày thanh toán/*Payment date(*)*
☐ Chu kì A/Circle A (30 ngày/30 days)	——— ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 1st to 30th or 31th*	
☑ Chu kì B/Circle B (15 ngày/15 days)	29 ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 15 / *Receiving invoices from 1st to 15th*	20th
		Nhận hóa đơn từ ngày 16 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 16th to 30th or 31th*	30th
☐ Chu kì C/Circle C (10 ngày/10 days)	——— ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 10 / *Receiving invoices from 1st to 10th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày 11 đến ngày 20 / *Receiving invoices from 11th to 20th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày 21 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 21st to 30th or 31th*	

(*) Ngày thanh toán cố định của LOTTE MART là các ngày 10, 20 hoặc ngày cuối tháng. Nếu ngày thanh toán rơi vào **ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, Tết** thì sẽ thanh toán vào **ngày làm việc tiếp theo**./
LOTTE MART's fixed payment dates are 10th, 20th or last day of month. If fixed payment date is on Saturday, Sunday, Holidays, Tet, the payment will be made in next working date.

1.2 THỜI HẠN THANH TOÁN CHO CHI NHÁNH MỚI/ *PAYMENT PERIOD FOR NEW STORE*

45 ngày kể từ ngày khai trương chính thức/ Days since the opening date of the new store

2. ĐIỀU KIỆN ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG - TRẢ HÀNG / ORDER - DELIVERY - RETURN CONDITION

2.1 ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU & THỜI GIAN GIAO HÀNG / MINIMUN ORDER & LEAD TIME

Giá trị đặt hàng cho mỗi đơn hàng giao tại cửa hàng hoặc kho Logistic không thấp hơn MOQ cam kết tại từng cửa hàng (khu vực) / Order value for each order delivered at the store or Logistic warehouse is not less than MOQ by store (region)
Số ngày giao hàng / Lead Time là thời gian NCC cam kết giao hàng sau khi đã nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của bên mua, không tính ngày lễ và Chủ nhật / period when suppliers undertakes to deliver ordered products from the order confirmation date of Purchaser (excluding holidays and Sunday))
Giá trị này là một trong những căn cứ xác lập lý do nếu NCC không thực hiện việc giao hàng / This value is one of the grounds for determining the reason whether the NCC does not make the delivery

KHU VỰC	Hồ Chí Minh / HCMC				Miền Nam / Southern				Miền Trung / Central				Miền Bắc / Northern			Warehouse
Cửa hàng	Nam SG	Phú Thọ	Tân Bình	Gò Vấp	Đồng Nai	Bình Dương	Vũng Tàu	Cần Thơ	Phan Thiết	Đà Nẵng	Nha Trang	Gold Coast	Ba Đình	Cầu Giấy	Vinh	Lotte Logistic Center (LLC)
Số ngày/Lead Time (days)	3	3	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
MOQ (/order)																

Trong trường hợp LOTTE MART mở thêm cửa hàng mới, Lead Time giao hàng của cửa hàng mới sẽ được áp dụng theo Lead Time của cửa hàng gần nhất / In case LOTTE MART opens a new store, the Lead Time for delivery of the new store will be applied according to the Lead Time of the nearest store

2.2 THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA SẢN PHẨM/ *EXPIRATION DATE OF PRODUCT*

Thời hạn sử dụng còn lại của sản phẩm ít nhất phải bằng 2/3 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của sản phẩm tính từ ngày hàng hóa được sản xuất cho đến ngày hết hạn sử dụng/ngày hạn sử dụng tốt nhất của hàng hóa.
The remaining shelf life of the product is equal to 2/3 of its total life at least, counting from the manufacturing date of the product to the last date for best use.

2.3 THỎA THUẬN TRẢ HÀNG/ *GOODS RETURN*

☑ Có thể trả hàng / Returnable

- ☑ Đổi trả hàng bất cứ thời gian nào kể từ ngày nhận hàng/ Can change or return at anytime from delivery date
- ☑ Hàng hóa bán chậm, kéo dài từ 02 tháng trở lên/ Goods is slow moving from 02 months consecutively or above.
- ☑ Hàng hư hỏng, hàng bị khách hàng trả lại do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi của Nhà Cung Cấp/ Damaged goods or goods returned by customers due to technical errors or errors made by supplier.
- ☑ Hàng cận date báo trước 03 ngày/ Nearly expired goods notifying before 03 days
- ☑ Thông tin trên hàng hóa bị mờ hoặc không rõ ràng, có thể dẫn đến việc hiểu nhầm cho Khách hàng/ Information on the label is blear or unclear which misleads customers.
- ☑ Hàng hóa chưa tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan hoặc Hàng hóa có thể ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục/ Goods which do not comply with relevant regulations or cause bad impacts towards environment, public health, habits and customs.

Hỗ trợ thanh lý hàng tồn kho / Clearance support _____ (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT

3. ĐIỀU KHOẢNTHƯƠNG MẠI/ TRADING TERM

3.1 CHIẾT KHẤU TRỰC TIẾP TRÊN HÓA ĐƠN/ *DIRECT DISCOUNT ON-INVOICE*

	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn/ (%) Direct discount on-invoice	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/ Services (if any)*	Không xuất Hóa đơn/ *No invoice*	

3.2 TỶ LỆ PHÂN CHIA VÀ DOANH THU TỐI THIỂU/ TURNOVER SHARE RATE & MIN SALE

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Tổng doanh thu bán hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total sale turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER (trên doanh thu thực tế / actual sale turnover)	Doanh thu tối thiểu/ Min Sale Cửa hàng áp dụng / *Application store*
	☐ Quý / Quarter		LOTTEMART (chênh lệch doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu / gap between actual and min sale)	

Nếu doanh thu bán hàng không đạt được doanh thu tối thiểu trong từng kỳ như trên, thì Lotte Mart sẽ khấu trừ thêm phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu theo tỷ lệ phân chia
In case the revenue is under Min Sale commitment above, Lotte Mart would apply the difference between actual revenue and minium revenue according to the revenue ratio

3.3 CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL DISCOUNT

3.3.1 CHIẾT KHẤU CƠ BẢN/ BASIC DISCOUNT

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.5 (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/*	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	

3.3.2 CHIẾT KHẤU THƯỞNG / REBATE VOLUME

					Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Bậc 1 / Level 1	400.000.000	VND	1	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT *(%) Total purchase turnover, exclusive of VAT*	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter ☑ Năm / Year	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	
Bậc 2 / Level 2	500.000.000	VND	1.5					
Bậc 3 / Level 3	600.000.000	VND	2					

3.4 PHÍ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG/ ADMINISTRATION FEE

3.4.1 PHÍ MỞ MÃ NHÀ CUNG CẤP MỚI/ NEW SUPPLIER CODE REGISTRATION FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
20.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*	8%	LOTTEMART	

3.4.2 PHÍ MỞ MÃ HÀNG MỚI/ LISTING FEE

	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
---------- (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	
8.000.000 VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*			

3.5 PHÍ HỖ TRỢ VẬN HÀNH/ OPERATION SUPPORT FEE

3.5.1 PHÍ HỖ TRỢ SINH NHẬT / LOTTE MART ANNIVERSARY SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
-------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tính đến thời điểm sinh nhật hoặc đến hết ngày 30/11 lớn hơn 100% khoản chi phí hỗ trợ sinh nhật *When total purchase turnover at store, upto anniversary month or end of year, is higher 100% than anniversary support fee*
1.500.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Khi phát sinh/ When:			

3.5.2 PHÍ HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG / LOTTE MART OPENING SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
-------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tại thời điểm khai trương, *When total purchase turnover at storeat the lime grand opening.*
-------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.5.3 HỖ TRỢ KHÁC KHÔNG KÈM ĐIỀU KIỆN / OTHER SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
-------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No Invoice	
-------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG - MARKETING/ SALE-MARKETING SERVICE FEE

3.6.1 PHÍ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO/ MARKETING SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
1.5	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	Trong đó: - Phí sampling: 1.5%
-------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh: phụ lục, biên bản về hoạt động quảng cáo / *Actual cost; appendix, agreement of marketing activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.2 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG/ SALE SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.0	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
-------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh: phụ lục, biên bản về hoạt động bán hàng / *Actual cost; appendix, agreement of selling activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.3 PHÍ DỊCH VỤ KHÁC/ OTHER SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
-------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
-------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh: phụ lục, biên bản về hoạt động khác / *Actual cost; appendix, agreement of other activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

4. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI/ LIABILITY FOR COMPENSATION

4.1 BỒI THƯỜNG GIAO HÀNG THIẾU-TRỄ HẠN / UNDER-DELIVERY COMPENSATION	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ Tax rate	Bên xuất Hóa đơn / In-charge of invoice	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Giao thiếu/ giao trễ : 8% trên giá trị hàng giao thiếu/ giao trễ (chưa VAT)- Shortage delivery or late delivery will be compensated an amount of 8% on the shortage/ late delivery amount (exclude VAT)	☑ Khi phát sinh biên bản bồi thường / When compesation agreement issued	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No Invoice	

5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ *GENERAL CONDITIONS*

- Trong trường hợp phát sinh chênh lệch các khoản chiết khấu của Chu kỳ thanh toán trước thì các Bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại phần chênh lệch này theo thuế suất tương ứng (nếu có)/ Adjustment of the gap-collection of comission in previous periods with the same tax rate of deduct code (if any)
- Giảm giá các sản phẩm khi được chọn làm hàng khuyến mãi theo thỏa thuận của các bên/ Price reduction on appointed products for promotion purposes under mutual agreement.
- Tham gia đầy đủ các kỳ Cẩm nang mua sắm khi được yêu cầu/ Fullyjoin the shopping handbook if required
- Những khoản chiết khấu, hỗ trợ, phí,... quy định tại TTTM này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ với các khoản thanh toán của Lotte Mart. Trong trường hợp cấn trừ công nợ mà không còn công nợ để cấn trừ thì những khoản này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NCC nhận được thông báo chiết khấu. / *The above mentioned discount, supports, fees, etc would be settled by transfering or offsetting against the payables of Lotte Mart. In case that no payable amout available for offsetting, those amounts must be transferred by Supplier. The transfering payment must be done within 10 working-day once receiving Commission letter*
- Thỏa Thuận Thương Mại này ("TTTM") là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cung Cấp Hàng Hóa số S820 -DRY-D&F-2022 ngày 01/01/2022 ("HĐCC") / This Trading Term Agreement ("TTA") is an integal part of the Purchase Contract No. S820 -DRY-D&F-2022 date 01/01/2022 ("PC").
- Trong trường hợp các nội dung trong TTTM này trái và/hoặc chưa được quy định trong HĐCC thì các bên thống nhất áp dụng theo TTTM này; mọi thay đổi, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện sẽ được làm thành phụ lục / In case of the contents in this Agreement is contrary and/or has not been provided in PC, the Parties agree to apply the contents mentioned in this Agreement; every changes arising during the excecution will be put in Annex.
- Ngôn ngữ được sử dụng trong TTTM này là song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu hoặc dịch thuật, tiếng Việt được ưu tiên áp dụng / *Languages used in this Agreement are English and Vietnamese. In case of any difference in interpretation or translation, Vietnamese version shall prevail.*
- Nếu có bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong TTTM này không hợp lệ hoặc không thể thực thi ở bất kỳ mức độ nào hoặc không lựa chọn hoặc thông tin chi tiết tại từng mục trong TTTM này thì thì nội dung của Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng .
If any term or condition of this Trading terms Agreement shall be invalid or unenforceable to any extent or unoptional or not specified in above terms, the contents of the Contract shall prevail.
- TTTM này được lập thành hai (02) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện / *This Agreement shall be made in two (02) original copies with equal legal validity. Each Party keeps one (01) copy to implement.*
- Trong trường hợp TTTM đã hết hạn và chưa thể ký TTTM mới thì các bên thống nhất TTTM này được tự động gia hạn đến hết 30/06 của năm kế tiếp. Sau khi hai bên thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới, thì hiệu lực của TTTM mới này được xác định từ 01/01 của năm kế tiếp hoặc trong trường hợp hai bên không thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới hoặc ký gia hạn Hợp đồng thì các điều kiện, điều khoản của TTTM này sẽ có hiệu lực đến thời điểm chấm dứt và/hoặc ký thanh lý Hợp đồng / *In case the TTA has expired and has not been renewed, the Parties agree that this TTA is automatically extended until the end of 30/06 the year after. After two Parties conclude a new TTA , the new TTA would be effective from 01/01 the year after*

NHÂN VIÊN THU MUA Merchandiser	GIÁM ĐỐC THU MUA Merchandising Director	NHÀ CUNG CẤP Supplier
Tên/Name: ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO Ngày/Date:	Tên/Name: NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN Ngày/Date:	Tên/Name: TRẦN THỊ THƠM Ngày/Date:



PHỤ LỤC 01 - THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI
(đính kèm Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 5820 -Dry -D&F-2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022)
APPENDIX 01 - TRADING TERM AGREEMENT
(attached to Contract for sales of goods No 5820 - DRY-D&F-2022 dated 01 Jan, 2022)
Ngày hiệu lực/Effective date: 01/01/2022 - 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM/ *LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY ("LOTTE MART")*

Chuyên viên thu mua/ *Marchandiser:* ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO — Mã số MD/ *MD Code:* 144005499
Tên Nhà Cung Cấp/ *Supplier's Name:* CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM
Mã số NCC/ *Main Supplier Code:* 5820 — Mã Ngành hàng chính/ Main Category Code: 51-DAIRY FROZEN — Loại kinh doanh / Trade type: Nhập trực tiếp/Direct
Ngành hàng cùng áp dụng đồng thời:
Mã Nhà cung cấp cùng áp dụng đồng thời:

1. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN/ *PAYMENT CONDITION*

1.1 THỜI HẠN THANH TOÁN/ *PAYMENT PERIOD*

Chu kì thanh toán/*Payment circle*	Thời hạn thanh toán/ *Payment term*	Ngày nhận hóa đơn hợp lệ/ *Date of receiving appropriate invoice*	Ngày thanh toán/*Payment date(*)*
☐ Chu kì A/Circle A (30 ngày/30 days)	——— ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 1st to 30th or 31th*	
☑ Chu kì B/Circle B (15 ngày/15 days)	29 ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 15 / *Receiving invoices from 1st to 15th*	20th
		Nhận hóa đơn từ ngày 16 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 16th to 30th or 31th*	30th
☐ Chu kì C/Circle C (10 ngày/10 days)	——— ngày/days	Nhận hóa đơn từ ngày 1 đến ngày 10 / *Receiving invoices from 1st to 10th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày 11 đến ngày 20 / *Receiving invoices from 11th to 20th*	
		Nhận hóa đơn từ ngày 21 đến ngày 30 hoặc 31 / *Receiving invoices from 21st to 30th or 31th*	

(*) Ngày thanh toán cố định của LOTTE MART là các ngày 10, 20 hoặc ngày cuối tháng. Nếu ngày thanh toán rơi vào **ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, Tết** thì sẽ thanh toán vào **ngày làm việc tiếp theo**./
LOTTE MART's fixed payment dates are 10th, 20th or last day of month. If fixed payment date is on Saturday, Sunday, Holidays, Tet, the payment will be made in next working date.

1.2 THỜI HẠN THANH TOÁN CHO CHI NHÁNH MỚI/ *PAYMENT PERIOD FOR NEW STORE*

45 ngày kể từ ngày khai trương chính thức/ Days since the opening date of the new store

2. ĐIỀU KIỆN ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG - TRẢ HÀNG / ORDER - DELIVERY - RETURN CONDITION

2.1 ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU & THỜI GIAN GIAO HÀNG / MINIMUN ORDER & LEAD TIME

Giá trị đặt hàng cho mỗi đơn hàng giao tại cửa hàng hoặc kho Logistic không thấp hơn MOQ cam kết tại từng cửa hàng (khu vực) / Order value for each order delivered at the store or Logistic warehouse is not less than MOQ by store (region)
Số ngày giao hàng / Lead Time là thời gian NCC cam kết giao hàng sau khi đã nhận được đơn đặt hàng có xác nhận của bên mua, không tính ngày lễ và Chủ nhật / period when suppliers undertakes to deliver ordered products from the order confirmation date of Purchaser (excluding holidays and Sunday))
Giá trị này là một trong những căn cứ xác lập lý do nếu NCC không thực hiện việc giao hàng / This value is one of the grounds for determining the reason whether the NCC does not make the delivery

KHU VỰC	Hồ Chí Minh / HCMC				Miền Nam / Southern				Miền Trung / Central				Miền Bắc / Northern			Warehouse
Cửa hàng	Nam SG	Phú Thọ	Tân Bình	Gò Vấp	Đồng Nai	Bình Dương	Vũng Tàu	Cần Thơ	Phan Thiết	Đà Nẵng	Nha Trang	Gold Coast	Ba Đình	Cầu Giấy	Vinh	Lotte Logistic Center (LLC)
Số ngày/Lead Time (days)	3	3	3	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
MOQ (/order)																

Trong trường hợp LOTTE MART mở thêm cửa hàng mới, Lead Time giao hàng của cửa hàng mới sẽ được áp dụng theo Lead Time của cửa hàng gần nhất / In case LOTTE MART opens a new store, the Lead Time for delivery of the new store will be applied according to the Lead Time of the nearest store

2.2 THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA SẢN PHẨM/ *EXPIRATION DATE OF PRODUCT*

Thời hạn sử dụng còn lại của sản phẩm ít nhất phải bằng 2/3 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của sản phẩm tính từ ngày hàng hóa được sản xuất cho đến ngày hết hạn sử dụng/ngày hạn sử dụng tốt nhất của hàng hóa.
The remaining shelf life of the product is equal to 2/3 of its total life at least, counting from the manufacturing date of the product to the last date for best use.

2.3 THỎA THUẬN TRẢ HÀNG/ *GOODS RETURN*

☑ Có thể trả hàng / Returnable

- ☑ Đổi trả hàng bất cứ thời gian nào kể từ ngày nhận hàng/ Can change or return at anytime from delivery date
- ☑ Hàng hóa bán chậm, kéo dài từ 02 tháng trở lên/ Goods is slow moving from 02 months consecutively or above.
- ☑ Hàng hư hỏng, hàng bị khách hàng trả lại do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi của Nhà Cung Cấp/ Damaged goods or goods returned by customers due to technical errors or errors made by supplier.
- ☑ Hàng cận date báo trước 03 ngày/ Nearly expired goods notifying before 03 days
- ☑ Thông tin trên hàng hóa bị mờ hoặc không rõ ràng, có thể dẫn đến việc hiểu nhầm cho Khách hàng/ Information on the label is blear or unclear which misleads customers.
- ☑ Hàng hóa chưa tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan hoặc Hàng hóa có thể ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục/ Goods which do not comply with relevant regulations or cause bad impacts towards environment, public health, habits and customs.

Hỗ trợ thanh lý hàng tồn kho / Clearance support _____ (%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT

3. ĐIỀU KHOẢNTHƯƠNG MẠI/ TRADING TERM

3.1 CHIẾT KHẤU TRỰC TIẾP TRÊN HÓA ĐƠN/ *DIRECT DISCOUNT ON-INVOICE*

		Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn/ (%) Direct discount on-invoice	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/ Services (if any)*	Không xuất Hóa đơn/ *No invoice*	

3.2 TỶ LỆ PHÂN CHIA VÀ DOANH THU TỐI THIỂU/ TURNOVER SHARE RATE & MIN SALE

	Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
——— (%) Tổng doanh thu bán hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total sale turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER (trên doanh thu thực tế / actual sale turnover) LOTTEMART (chênh lệch doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu / gap between actual and min sale)	Doanh thu tối thiểu/ Min Sale Cửa hàng áp dụng / *Application store*

Nếu doanh thu bán hàng không đạt được doanh thu tối thiểu trong từng kỳ như trên, thì Lotte Mart sẽ khấu trừ thêm phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và doanh thu tối thiểu theo tỷ lệ phân chia
In case the revenue is under Min Sale commitment above, Lotte Mart would apply the differnce between actual revenue and minium revenue according to the revenue ratio

3.3 CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL DISCOUNT

3.3.1 CHIẾT KHẤU CƠ BẢN/ BASIC DISCOUNT

		Chu kỳ thanh toán / Payment Circle	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.5	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ *Same with tax rate of Goods/*	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	

3.3.2 CHIẾT KHẤU THƯỞNG / REBATE VOLUME

					Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Bậc 1 / Level 1	400.000.000	VND	1	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT *(%) Total purchase turnover, exclusive of VAT*	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter ☑ Năm / Year	Tương tự thuế suất của Hàng hóa/ dịch vụ (nếu có)/ Same with tax rate of Goods/ Services (if any)	NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER	
Bậc 2 / Level 2	500.000.000	VND	1.5					
Bậc 3 / Level 3	600.000.000	VND	2					

3.4 PHÍ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG/ ADMINISTRATION FEE

3.4.1 PHÍ MỞ MÃ NHÀ CUNG CẤP MỚI/ NEW SUPPLIER CODE REGISTRATION FEE

		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
20.000.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) / VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*	8%	LOTTEMART	

3.4.2 PHÍ MỞ MÃ HÀNG MỚI/ LISTING FEE

		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
———	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT / (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	
8.000.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) / VND (exclusive of VAT)	☑ Ngay khi tạo mã mới/ *When create new vendor code*			



3.5 PHÍ HỖ TRỢ VẬN HÀNH/ OPERATION SUPPORT FEE

3.5.1 PHÍ HỖ TRỢ SINH NHẬT / LOTTE MART ANNIVERSARY SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
----------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tính đến thời điểm sinh nhật hoặc đến hết ngày 30/11 lớn hơn 100% khoản chi phí hỗ trợ sinh nhật *When total purchase turnover at store, upto anniversary month or end of year, is higher 100% than anniversary support fee*
1.500.000	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☑ Khi phát sinh/ When:			

3.5.2 PHÍ HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG / LOTTE MART OPENING SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
----------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%	LOTTEMART	Khi NCC có phát sinh doanh số mua hàng tại thời điểm khai trương. *When total purchase turnover at storeat the time grand opening.*
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.5.3 HỖ TRỢ KHÁC KHÔNG KÈM ĐIỀU KIỆN / OTHER SUPPORT		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
----------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG - MARKETING/ SALE-MARKETING SERVICE FEE

3.6.1 PHÍ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO/ MARKETING SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
1.5	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	Trong đó: - Phí sampling: 1.5%
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động quảng cáo / *Actual cost; appendix, agreement of marketing activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.2 PHÍ DỊCH VỤ BÁN HÀNG/ SALE SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
5.0	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☑ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động bán hàng / *Actual cost; appendix, agreement of selling activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

3.6.3 PHÍ DỊCH VỤ KHÁC/ OTHER SERVICE FEE		Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
----------	(%) Tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm Thuế GTGT (%) Total purchase turnover, exclusive of VAT	☐ Tháng / Month ☐ Quý / Quarter	8%-10%	LOTTEMART	
----------	VND (chưa bao gồm Thuế GTGT) VND (exclusive of VAT)	☐ Năm / Year			
☐	Chi phí thực tế phát sinh; phụ lục, biên bản về hoạt động đồng khác / *Actual cost; appendix, agreement of other activities*	☐ Khi phát sinh/ When:			

4. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI/ LIABILITY FOR COMPENSATION

4.1 BỒI THƯỜNG GIAO HÀNG THIẾU-TRỄ HẠN / UNDER-DELIVERY COMPENSATION	Chu kỳ thanh toán / *Payment Circle*	Thuế Suất/ *Tax rate*	Bên xuất Hóa đơn / *In-charge of invoice*	Phạm vi áp dụng / Applicable scope
Giao thiếu/ giao trễ : 8% trên giá trị hàng giao thiếu/ giao trễ (chưa VAT)- Shortage delivery or late delivery will be compensated an amount of 8% on the shortage/ late delivery amount (exclude VAT)	☑ Khi phát sinh biên bản bồi thường / When compesation agreement issued	Không thuế/ No tax	Không xuất Hóa đơn/ No invoice	

5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ *GENERAL CONDITIONS*

- Trong trường hợp phát sinh chênh lệch các khoản chiết khấu của Chu kỳ thanh toán trước thì các Bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại phần chênh lệch này theo thuế suất tương ứng (nếu có)/ Adjustment of the gap-collection of comlasion in previous periods with the same tax rate of deduct code (if any)
- Giảm giá các sản phẩm khi được chọn làm hàng khuyến mãi theo thỏa thuận của các bên/ Price reduction on appointed products for promotion purposes under mutual agreement.
- Tham gia đầy đủ các kỳ Cẩm nang mua sắm khi được yêu cầu/ Fullyjoin the shopping handbook if required
- Những khoản chiết khấu, hỗ trợ, phí,... quy định tại TTTM này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc cấn trừ công nợ với các khoản thanh toán của Lotte Mart. Trong trường hợp cấn trừ công nợ mà không còn công nợ để cấn trừ thì những khoản này sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NCC nhận được thông báo chiết khấu. */ The above mentioned discount, supports, fees, etc would be settled by transfering or offsetting against the payables of Lotte Mart. In case that no payable amout available for offsetting, those amounts must be transferred by Supplier. The transfering payment must be done within 10 working-day once receiving Commission letter*
- Thỏa Thuận Thương Mại này ("TTTM") là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cung Cấp Hàng Hóa số 5820 -DRY-D&F-2022 ngày 01/01/2022 ("HĐCC") / This Trading Term Agreement ("TTA") is an integal part of the Purchase Contract No. 5820 -DRY-D&F-2022 date 01/01/2022 ("PC").
- Trong trường hợp các nội dung trong TTTM này trái và/hoặc chưa được quy định trong HĐCC thì các bên thống nhất áp dụng theo TTTM này; mọi thay đổi, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện sẽ được làm thành phụ lục / In case of the contents in this Agreement is contrary and/or has not been provided in PC, the Parties agree to apply the contents mentioned in this Agreement; every changes arising during the excecution will be put in Annex.
- Ngôn ngữ được sử dụng trong TTTM này là song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu hoặc dịch thuật, tiếng Việt được ưu tiên áp dụng / *Languages used in this Agreement are English and Vietnamese. In case of any difference in interpretation or translation, Vietnamese version shall prevail.*
- Nếu có bất kỳ điều kiện, điều khoản nào trong TTTM này không hợp lệ hoặc không thể thực thi ở bất kỳ mức độ nào hoặc không lựa chọn hoặc thông tin chi tiết tại từng mục trong TTTM này thì thì nội dung của Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng . *If any term or condition of this Trading terms Agreement shall be invalid or unenforceable to any extent or unoptional or not specified in above terms, the contents of the Contract shall prevail.*
- TTTM này được lập thành hai (02) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản để thực hiện / *This Agreement shall be made in two (02) original copies with equal legal validity. Each Party keeps one (01) copy to implement.*
- Trong trường hợp TTTM đã hết hạn và chưa thể ký TTTM mới thì các bên thống nhất TTTM này được tự động gia hạn đến hết 30/06 của năm kế tiếp. Sau khi hai bên thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới, thì hiệu lực của TTTM mới này được xác định tính từ 01/01 của năm kế tiếp hoặc trong trường hợp hai bên không thống nhất ký kết các điều khoản của TTTM mới hoặc ký gia hạn Hợp đồng thì các điều kiện, điều khoản của TTTM này sẽ có hiệu lực đến thời điểm chấm dứt và/hoặc ký thanh lý Hợp đồng / *In case the TTA has expired and has not been renewed, the Parties agree that this TTA is automatically extended until the end of 30/06 the year after. After two Parties conclude a new TTA , the new TTA would be effective from 01/01 the year after*

NHÂN VIÊN THU MUA Merchandiser	GIÁM ĐỐC THU MUA Merchandising Director	NHÀ CUNG CẤP Supplier
Tên/Name: ĐOÀN THỊ UYÊN THẢO Ngày/Date:	Tên/Name: NGUYỄN NGÔ ANH TUẤN Ngày/Date:	Tên/Name: TRẦN THỊ THƠM Ngày/Date:



ĐỀ NGHỊ VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 2022
2022 COMMERCIAL CONTRACT PROPOSAL

Ngành hàng/Department : 480 - PROCESSED MEAT

NCC/Supplier Name : CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM

Supplier CODE / Mã số NCC : 3002179

ĐẠI DIỆN : Bà TRẦN THỊ THƠM
REPRESENTED BY

CHỨC VỤ : Giám Đốc
Position

OPKD/Business Registration Cert./Lic. No :
MST/Tax code :

TEL :
FAX :

SỐ TK/Account :
TÊN NH/Bank :
CHỦTK/Account Name :

DOANH SỐ NGOẠI THUẾ BUYING TURN OVER (TAX EXCLUDED)	2020	2021	2020 vs. 2021
TOTAL BIG C + CONVENIENCE STORE	3,366,805,997	3,613,151,988	7.32%

ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG Commercial Terms	ĐIỀU KHOẢN 2021 Commercial Terms 2021	ĐỀ NGHỊ 2022 Commercial Terms 2022 Proposal	XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP - 2022 SUPPLIER CONFIRMATION - 2022 (ghi rõ tỉ lệ % đồng ý hoặc ghi ok)
THỜI HẠN THANH TOÁN (VÀO NGÀY 5 VÀ 15 HÀNG THÁNG) Payments terms (paid on 5th & 15th each monthly)	48 NGÀY	48 NGÀY	48 NGÀY
THỜI HẠN THAY ĐỔI GIÁ (NẾU ĐƯỢC CHẤP NHẬN) Leadtime for price change (If accepted)	30 NGÀY	30 NGÀY	30 NGÀY
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỬA HÀNG Support for store operation	2.00%	2.00%	ok
CHIẾT KHẤU THÁNG CHO CỬA HÀNG Monthly discount for each Store	4.50%	4.50%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH THẺ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT Monthly fee for joining into Loyalty Card program	0.50%	0.70%	0.50%
HỖ TRỢ ĐỒNG GIÁ (ĐỔI HÀNG CHO KHÁCH HÀNG) Participation support for customer card program	1.00%	1.00%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI trên CATALOGUE Monthly fee for promotional programe in Catalogue	4.00%	4.00%	ok
CHI PHÍ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO hoặc SAMPLING Monthly fee for advertising/promotion/sampling activities in store	7.00%	7.00%	ok
HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG SIÊU THỊ MỚI Support for new Store opening 1 store	1.500.000 VND / Siêu Thị	2.000.000 VND / Siêu Thị	1.500.000 VND / Siêu Thị
CHI PHÍ CHO VIỆC NHẬP HÀNG MỚI Listing fee for new Product	2.50%	2.50%	2.50%
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 1 Discount incentive 1st level	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 2 Discount incentive 2nd level	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 3 Discount incentive 3rd level	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 4 Discount incentive 4th level	1%: 8.400.000.000VND	1%: 4.000.000.000VND	1%: 8.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 5 Discount incentive 5th level	1.25%:10.000.000.000VND	1.25%: 5.000.000.000VND	1.25%:10.000.000.000VND
ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU / MOQ			
Thành phố HCM/ HCM City	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Nam/ South Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Miền Trung/Center	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Hà Nội/ Hanoi	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Bắc/ North Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG

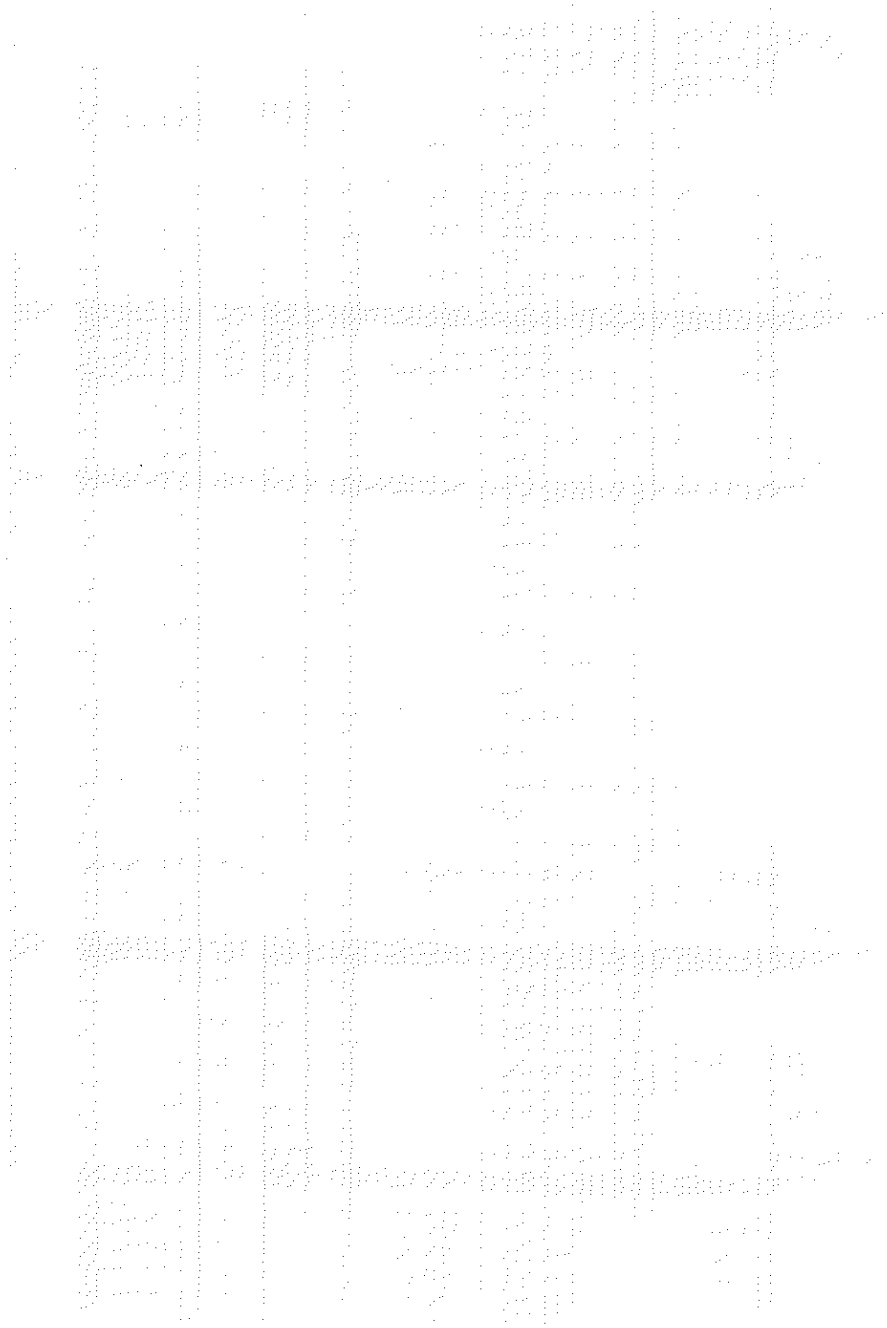
Xin vui lòng xác nhận và fax trả lời cho chúng tôi trong ngày
Please send your confirmation by fax, soon before

NGÔ THỊ BÍCH THUỶ
ĐẠI DIỆN BSL Bogd VN
PURCHASING CENTER- BSG C VIETNAM REPRESENTATOR

XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP
SUPPLIER CONFIRMATION

M.S.D.N:0309391503-C.T.T.N
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
TP. THỦ ĐỨC-TP. HỒ CHÍ MINH

Chủ Tịch Công Ty
Trần Thị Thơm



ĐỀ NGHỊ VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 2022
2022 COMMERCIAL CONTRACT PROPOSAL

Ngành hàng/Department : 480 - PROCESSED MEAT

NCC/Supplier Name : CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM

Supplier CODE : Mã số NCC : 3002179

ĐẠI DIỆN / Bà TRẦN THỊ THƠM
REPRESENTED BY

CHỨC VỤ : Giám Đốc
Position

GPKD/Business Registration Certificate No: MST Tax code

TEL :
FAX.

SỐ TK/Account :
TÊN NH/Bank :
CHỦTK/Account Name:

DOANH SỐ NGOẠI THUẾ BUYING TURN OVER (TAX EXCLUDED)	2020	2021	2020 vs. 2021
TOTAL BIG C + CONVENIENCE STORE	3,366,805,997	3,613,151,988	7.32%

ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG Commercial Terms	ĐIỀU KHOẢN 2021 Commercial Terms 2021	ĐỀ NGHỊ 2022 Commercial Terms 2022 Proposal	XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP - 2022 SUPPLIER CONFIRMATION - 2022 (ghi rõ tỉ lệ % đồng ý hoặc ghi ok)
THỜI HẠN THANH TOÁN : VÀO NGÀY 5 VÀ 15 HÀNG THÁNG Payments terms (paid on 5th & 15th each month)	48 NGÀY	48 NGÀY	48 NGÀY
THỜI HẠN CHẤP NHẬN GIÁ MỚI (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI GIÁ) Leadtime for price change (if accepted)	30 NGÀY	30 NGÀY	30 NGÀY
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỬA HÀNG Support for store operation	2.00%	2.00%	ok
CHIẾT KHẤU THÁNG CHO CỬA HÀNG Monthly discount for each Store	4.50%	4.50%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH THẺ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT Monthly fee for joining the Loyalty Card program	0.50%	0.70%	0.50%
HỖ TRỢ ĐỒNG GÓP KHUYẾN THƯỞNG CHO THẺ KHÁCH HÀNG Participation support to customer card reward	1.00%	1.00%	ok
CHI PHÍ THÁNG CHO VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI và/hoặc CATALOGUE Monthly fee for promotional campaign & or Catalogue	4.00%	4.00%	ok
CHI PHÍ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO (Hoặc SAMPLING) Monthly fee for advertising / sampling activities in store	7.00%	7.00%	ok
HỖ TRỢ KHAI TRƯƠNG SIÊU THỊ MỚI Support for new Store opening - 1 store	1.500.000 VND / Siêu Thị	2.000.000 VND / Siêu Thị	1.500.000 VND / Siêu Thị
CHI PHÍ CHO VIỆC NHẬP HÀNG MỚI Listing fee for new Product	2.50%	2.50%	2.50%
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 1 Discount incentive 1st level	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND	0.25%: 1.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 2 Discount incentive 2nd level	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND	0.5%: 2.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 3 Discount incentive 3rd level	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND	0.75%: 3.000.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 4 Discount incentive 4th level	1%: 8.400.000.000VND	1%: 4.000.000.000VND	1%: 8.400.000.000VND
CHIẾT KHẤU THEO DOANH SỐ BẬC 5 Discount incentive 5th level	1.25%:10.000.000.000VND	1.25%: 5.000.000.000VND	1.25%:10.000.000.000VND
ĐƠN HÀNG TỐI THIỂU / MOQ			
Thành phố HCM/ HCM City	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Nam/ South Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Miền Trung/Center	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Hà Nội/ Hanoi	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG
Tỉnh miền Bắc/ North Province	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG	1.000.000 VND/1 ĐƠN HÀNG

Xin vui lòng xác nhận và Fax lại cho chúng tôi trước ngày
Please send your confirmation by fax soon before

NHÓ TH: HCH / HUY
ĐẠI DIỆN SMC BigC VN
PURCHASING CENTRE BIG C VIETNAM REPRESENTATIVE

NHÀ CUNG CẤP
SUPPLIER CONFIRMATION

M.S.D.N: 0309391503 - C.T.T.N
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Chủ Tịch Công Ty
Trần Thị Thơm

